

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18/05/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

Danh sách cổ đông sáng lập

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1	Trần Anh Vương	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
2	Vũ Hữu Trí	P9 - TT144 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	2.173.000
3	Tạ Thu Hằng	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	130.000
4	Nguyễn Hữu Bảo	Thôn Bình Trù, xã dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	126.000
5	Phạm Cương	Công ty Thương nghiệp tổng hợp Thái Bình	170.000

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán BVG

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Các Công ty con của Công ty gồm :

- Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt
Địa chỉ: Km7, quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
Tel: (84 - 241) 3617 331 Fax: (84 - 241) 3617 332
- Công ty Cổ phần Kim Khí Bắc Việt
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Phạm Cương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2011)
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Bà Tạ Thu Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/04/2011)
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/04/2011)

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số : *625*...-11/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày *15* tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 được lập ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 18/5/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 30/06/2011 số vốn thực góp của các cổ đông mới được là 97.509.480.000 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài sự kiện nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý

Báo cáo soát xét được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		162.755.126.903	167.105.868.130
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.452.098.935	14.091.546.769
1 Tiền	111	V.1.	3.452.098.935	14.091.546.769
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.888.951.270	126.230.471.724
1 Phải thu của khách hàng	131		104.917.731.342	119.652.369.476
2 Trả trước cho người bán	132		498.879.933	70.881.780
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	9.118.772.036	8.262.808.036
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.646.432.041)	(1.755.587.568)
IV Hàng tồn kho	140		42.537.256.556	25.420.961.080
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	42.537.256.556	25.420.961.080
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3.876.820.142	1.362.888.557
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		613.159.427	635.363.826
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.720.346	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	459.514.093	98.968.131
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		2.762.426.276	628.556.600
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		94.423.024.660	95.543.393.824
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		2.643.402.144	2.849.011.648
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	2.428.194.412	2.714.679.375
- Nguyên giá	222		13.323.299.423	13.186.935.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.895.105.011)	(10.472.256.412)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		36.900.000	36.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.900.000)	(36.900.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	215.207.732	134.332.273
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		91.776.122.516	92.687.382.176
1 Đầu tư vào công ty con	251		84.043.270.000	84.954.529.660
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.282.000.000	9.282.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.	1.452.457.000	1.452.457.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.001.604.484)	(3.001.604.484)
V Tài sản dài hạn khác	260		3.500.000	7.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	3.500.000	7.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		257.178.151.563	262.649.261.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		144.178.987.351	140.901.285.031
I Nợ ngắn hạn	310		144.178.987.351	140.533.285.031
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	130.691.332.830	130.286.136.710
2 Phải trả người bán	312		11.040.422.092	7.463.155.917
3 Người mua trả tiền trước	313		1.944.146.597	896.624.140
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	4.188.150	1.212.530.754
5 Phải trả người lao động	315		-	-
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	-	165.890.537
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	73.122.857	120.793.148
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		425.774.825	388.153.825
II Nợ dài hạn	330		-	368.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	-	368.000.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		112.999.164.212	121.747.976.923
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	112.999.164.212	121.747.976.923
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		5.997.059.645	4.263.735.782
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.041.535.765	939.629.765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		101.906.000	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.154.187.998)	2.531.760.576
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		257.178.151.563	262.649.261.954

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	166.121.702.736	170.151.285.979
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		166.121.702.736	170.151.285.979
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	154.878.498.374	158.589.523.084
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.243.204.362	11.561.762.895
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	1.960.961.133	15.971.860.158
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	15.961.716.839	5.204.565.211
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.726.580.619	5.135.657.161
8 Chi phí bán hàng	24		168.861.754	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.734.525.473	5.819.250.708
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(8.660.938.571)	16.509.807.134
11 Thu nhập khác	31		45.614.213	38.818
12 Chi phí khác	32		31.582.353	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.031.860	38.818
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.646.906.711)	16.509.845.952
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	-	262.911.058
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(8.646.906.711)	16.246.934.894

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc



Trần Anh Vương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	1		176.460.118.247	90.273.193.899
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(169.380.110.609)	(141.914.043.624)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.604.546.803)	(1.467.103.366)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(9.824.431.284)	(4.842.838.710)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(360.545.962)	(76.318.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.841.741.020	39.034.085.322
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.463.850.261)	(49.305.161.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.331.625.652)	(68.298.186.407)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(217.239.095)	(11.536.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000)	(6.334.115.081)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		914.259.660	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		960.961.133	15.958.378.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.654.981.698	9.612.727.067
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	26.440.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		138.609.944.475	117.832.257.741
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(138.572.748.355)	(91.795.082.229)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		37.196.120	52.477.175.512
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(10.639.447.834)	(6.208.283.828)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.091.546.769	9.071.028.652
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		3.452.098.935	2.862.744.824

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18/05/2010 vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
 - Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
 - Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
 - Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
 - Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
 - Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
 - Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
 - Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
 - Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
 - Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
 - Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)./.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - "Tài sản cố định hữu hình", Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Phần mềm máy vi tính	4

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt, Công ty CP Kim Khí Bắc Việt, Công ty CP Thương Mại Bắc Việt, Công ty CP Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt được lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ phải gọi thêm vốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, doanh thu gia công kết cấu thép, cắt thép, doanh thu cước vận chuyển, doanh thu cầu hàng hóa và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng thường niên, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thực chi.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

10.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với sản phẩm thép xuất khẩu và 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
1.1 Tiền		
<i>Tiền mặt</i>	<i>1.399.039.927</i>	<i>49.236.934</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>2.053.059.008</i>	<i>14.042.309.835</i>
Tiền VND	2.039.912.076	14.017.511.755
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	185.671.326	208.434.421
-Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	1.721.666
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	11.645.881	272.661.030
-Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	721.273.217	13.490.291.213
-Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	555.103
-Ngân hàng Indovina -CN Mỹ Đình	117.352.569	43.848.322
-Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN-CN Hà Thành	1.003.969.083	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

<i>Tiền ngoại tệ</i>	13.146.932	24.798.080
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	1.997.463	14.748.407
-Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	5.209.864	-
-Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	2.133.980	6.247.749
-Ngân hàng Indovina	206	-
-Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	3.805.419	3.801.924
Cộng	3.452.098.935	14.091.546.769
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	9.118.772.036	8.262.808.036
- Nguyễn Ngọc Mẫn	171.308.036	171.308.036
- Đàm Tấn Anh	6.885.000.000	6.885.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	642.464.000	5.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	1.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	420.000.000	1.201.000.000
Cộng	9.118.772.036	8.262.808.036
3. Hàng tồn kho	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	31.590.000	80.929.563
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.155.317.343	1.024.037.955
Thành phẩm	78.862.157	64.642.805
Hàng hoá	41.271.487.056	24.251.350.757
Cộng giá gốc hàng tồn kho	42.537.256.556	25.420.961.080
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.514.093	98.968.131
Cộng	459.514.093	98.968.131

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011	1.996.114.081	5.188.931.422	5.427.923.128	573.967.156	13.186.935.787	
Mua trong kỳ	-	-	136.363.636	-	136.363.636	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	
Tăng khác	-	-	-	-	-	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/06/2011	1.996.114.081	5.188.931.422	5.564.286.764	573.967.156	13.323.299.423	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011	1.930.427.290	4.359.375.269	3.701.718.144	480.735.709	10.472.256.412	
Khấu hao trong kỳ	24.045.732	107.989.628	260.021.724	30.791.515	422.848.599	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/06/2011	1.954.473.022	4.467.364.897	3.961.739.868	511.527.224	10.895.105.011	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011	65.686.791	829.556.153	1.726.204.984	93.231.447	2.714.679.375	
Tại ngày 30/06/2011	41.641.059	721.566.525	1.602.546.896	62.439.932	2.428.194.412	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.346.479.344 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán Misa	Phần mềm quản lý Easy Biz	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	-	-	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án Logictis Bắc Ninh	99.332.273	99.332.273
Dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ	35.000.000	35.000.000
Các công trình khác	80.875.459	-
Cộng	215.207.732	134.332.273

8. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Số lượng	Giá trị (VNĐ)
Đầu tư dài hạn khác	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Cộng	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		3.500.000	7.000.000
Cộng		3.500.000	7.000.000
10. Vay và nợ ngắn hạn		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Lãi suất/năm			
Vay ngắn hạn		130.691.332.830	130.286.136.710
VND			
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex		14,5% - 26%	48.030.000.000
Ngân hàng NN&PTNT nam HN -PGD Nam Đô			665.080.000
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình			32.211.000.000
Vũ Hồng Thủy		18% - 22,5%	978.673.658
Vũ Thị Thu Hà		18% - 22,5%	435.073.081
Nguyễn Vũ Giang		18% - 22,5%	1.040.131.810
Các đối tượng khác		18% - 22,5%	1.103.122.515
USD			
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex		8%	27.243.650.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam		6,8% -7,3%	5.064.425.000
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình			2.825.550.000
Lê Thị Tuyết		6,9% - 8,5%	805.696.540
Vũ Hồng Thủy		6,9% - 8,5%	10.288.930.226
Cộng		130.691.332.830	130.286.136.710
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Thuế GTGT đầu ra		-	1.198.307.751
Thuế thu nhập cá nhân		4.188.150	14.223.003
Cộng		4.188.150	1.212.530.754
12. Chi phí phải trả		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Chi phí lãi vay		-	165.890.537
Cộng		-	165.890.537

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	31.525.175	26.793.148
Bảo hiểm xã hội	32.287.925	-
Bảo hiểm y tế	9.309.757	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	94.000.000
Cộng	73.122.857	120.793.148

14. Vay và nợ dài hạn	<u>Lãi suất/năm</u>	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn		-	368.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	10,5%	-	368.000.000
Cộng		-	368.000.000

15. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/10	70.000.000.000	4.123.370.800	3.789.379.287	77.912.750.087
Tăng vốn trong năm trước	27.509.480.000	12.380.000.000	-	39.889.480.000
Lãi trong năm trước	-	-	17.034.976.601	17.034.976.601
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	4.842.995.312	4.842.995.312
Chia cổ tức	-	-	13.449.600.000	13.449.600.000
Số dư tại ngày 31/12/10	97.509.480.000	16.503.370.800	2.531.760.576	116.544.611.376
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	(8.646.906.711)	(8.646.906.711)
Trích lập các quỹ	-	-	(2.039.041.863)	(2.039.041.863)
Số dư tại ngày 30/06/11	97.509.480.000	16.503.370.800	(8.154.187.998)	105.858.662.802

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Trần Anh Vương	21.730.000.000	21.730.000.000
Vũ Hữu Trí	21.730.000.000	21.730.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Tạ Thu Hằng	1.300.000.000	1.300.000.000
Nguyễn Hữu Bảo	1.260.000.000	1.260.000.000
Phạm Cương	1.700.000.000	1.700.000.000
Các cổ đông khác	49.789.480.000	49.789.480.000
Cộng	97.509.480.000	97.509.480.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp đầu kỳ	97.509.480.000	70.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	27.509.480.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.039.041.863	13.449.480.000

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2011
Quỹ đầu tư phát triển	4.263.735.782	1.733.323.863	-	5.997.059.645
Quỹ dự phòng tài chính	939.629.765	101.906.000	-	1.041.535.765
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	101.906.000	-	101.906.000
Cộng	5.203.365.547	1.937.135.863	-	7.140.501.410

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 85% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hàng hoá và cung cấp dịch vụ	166.121.702.736	170.151.285.979
Cộng	166.121.702.736	170.151.285.979
17. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	154.878.498.374	158.589.523.084
Cộng	154.878.498.374	158.589.523.084
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.961.133	59.360.158
Cổ tức, lợi nhuận được chia của 2010	900.000.000	15.912.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.000.000.000	-
Cộng	1.960.961.133	15.971.860.158
19. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.726.580.619	5.135.657.161
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.320.876.560	68.743.050
Chi phí tài chính khác	914.259.660	165.000
Cộng	15.961.716.839	5.204.565.211

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	262.911.058
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	262.911.058

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

22. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	13.449.480.000

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu			
Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	16.631.929.426	3.290.415.587
Bán hàng cho Công ty CP Giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty liên kết	84.000.000	-
Bán hàng cho Công ty Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	33.955.914.294	-
Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	25.007.325.114	18.796.432.582
Mua hàng			
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	12.074.597.776	12.098.601.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Mua hàng của Công ty CP Giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty liên kết	314.552.868	-
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	37.851.594.190	45.278.848.406
Mua hàng của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	1.894.174.926	20.726.119.352

Các khoản vay	Lãi suất (năm)			
Tạ Thu Hằng	15%	Kế toán trưởng	-	247.571.241

1.2 Số dư với các bên liên quan

Quan hệ với Công ty	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
---------------------	-------------------	-------------------

Các khoản phải thu			
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	8.064.752.115	-
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	39.915.127.139	65.066.216.074
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	43.281.858.387	24.316.375.639

Các khoản phải trả			
Công ty CP Giao Nhận Vận chuyển Bắc Việt	Công ty liên kết	-	148.918.175

2. Những thông tin khác

2.1 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và Báo cáo tài chính 2010 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng

Tạ Thu Hằng

Giám đốc

Trần Anh Vương

(Red circular stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT, M.S.D.N. 0101000000, Q. LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI)